

Bản án số: 36/2024/HC-PT
Ngày 18 tháng 01 năm 2024
“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định
cư và giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực
quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số 780/2023/TLPT-HC ngày 30 tháng 10 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2023/HC-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2024/QĐPT-HC ngày 03 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị M, sinh năm 1963 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp Hoàng Việt, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị M: Anh Võ Tấn Đ, sinh năm 1985; Cùng địa chỉ bà M (Văn bản ủy quyền ngày 25/4/2023) - Có mặt;

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng: Ông Huỳnh Văn N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng: Ông Nguyễn Tấn H, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp - Có mặt;

Cùng địa chỉ: Số 323 Nguyễn Huệ, Khóm 3, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp;

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ: Số 12 đường 30/4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phạm Thiện N¹, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Huỳnh Văn T, Phó giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp – Có mặt;

3. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Trần Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Trần Thị M trình bày:

Bà Trần Thị M đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng Thửa đất số 69, diện tích 902,6 m² (bao gồm 747,1 m² đất ở nông thôn và 155,5 m² đất trồng cây lâu năm), Tờ bản đồ số 51, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Năm 2021, Nhà nước tiến hành mở rộng đường Tỉnh lộ 842, trùng vào đất của bà theo quy hoạch chiều sâu vào là 06 mét, nhưng cán bộ đo đạc chỉ tính 03 mét, còn lại 03 mét thì không tính, nên xác định diện tích đất thu hồi là 67,4 m².

Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng ban hành các quyết định, gồm: Quyết định số 189/QĐ -UBND ngày 18/01/2022 (viết tắt Quyết định số 189) thu hồi của gia đình bà M 67,4 m² đất thuộc một phần Thửa đất số 69, Tờ bản đồ số 51, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, để thực hiện Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.842, xã Tân Phước; Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 20/01/2023 (viết tắt Quyết định số 778) bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất với số

tiền 71.709.660 đồng. Không đồng ý nên bà M có đơn khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng ban hành Quyết định số 991/QĐ-UBND.NĐ ngày 06/9/2022 (viết tắt Quyết định số 991) bác khiếu nại của bà. Bà tiếp tục khiếu nại thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 61/QĐ-UBND-NĐ ngày 10/4/2023 (viết tắt Quyết định số 61) bác khiếu nại của bà.

Nhà nước quy hoạch chiều sâu vào đất của bà là 06 mét thì phải bồi thường 06 mét và phải bồi thường theo giá đất ở nông thôn theo giá thị trường là 1.000.000 đồng/m²; Nhà nước thu hồi phần đất giáp lộ mà bồi thường theo giá đất trồng cây lâu năm là không đúng, vì phần đất trồng cây lâu năm của bà là nằm phía giáp bờ sông, còn phần đất giáp lộ bị thu hồi là đất ở nông thôn.

Do đó, bà Trần Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định, gồm: Quyết định số 189, Quyết định số 778, Quyết định số 991 và Quyết định số 61.

Tại Văn bản ý kiến số 191/UBND-NC ngày 29/6/2023 và lời trình bày tiếp theo của người đại diện hợp pháp của người bị kiện, Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng trình bày:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất của bà M bị thu hồi 67,4 m² thuộc chỉ giới quy hoạch giao thông của Tỉnh lộ 842, nên xác định mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm để làm căn cứ bồi thường. Tại Biên bản họp Hội đồng thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tỉnh Đồng Tháp ngày 27/5/2022 kết luận: “*Các hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện vị trí đất ở, chỉ thể hiện chỉ giới quy hoạch giao thông và phần đất thuộc hành lang an toàn Tỉnh lộ 842 (Chỉ giới quy hoạch giao thông của Tỉnh lộ 842 tính từ tim đường trở ra mỗi bên trung bình khoảng 14,5 mét. Ranh giới phóng mặt bằng tính từ tim đường hiện trạng trở ra trung bình khoảng 9,5 mét). Phần đất thu hồi của hộ dân nằm trong phạm vi chỉ giới quy hoạch giao thông và trên đất chủ yếu là sân, hàng rào, ... nên việc xem xét, bồi thường, hỗ trợ đối với các trường hợp nêu trên với mục đích đất trồng cây lâu năm, là phù hợp*”.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M.

Tại Văn bản ý kiến số 249/UBND-TCD-NC ngày 07/7/2023 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trình bày:

Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M năm 2016 đã trừ từ tim lộ vào 06 mét, nên không thể bồi thường 03 mét đất tính từ mí nhựa. Phần đất thu hồi của bà M nằm trong chỉ giới giao thông, không có nhà ở và trên toàn tuyến đường ĐT 842, xã Tân Phước, những hộ dân vừa có đất ở vừa có đất cây lâu năm trong một thửa đất, đều được xác định đất cây lâu năm để bồi thường. Quyết định số 61 được ban hành trên cơ sở căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định

cur khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, Quyết định số 290/2021/QĐ-UBND-HC ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT 842 xã Tân Phước, huyện Tân Hồng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2023/HC-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, d khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Các điều: 11, 62, 66, 67, 68, 69, khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013; Điều 27, 28, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Chương 3 về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 5, 6, 7, 8, 11, 18, 21 Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 9 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng, thu hồi đất; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác khởi kiện của bà Trần Thị M đối với yêu cầu hủy Quyết định số 189/QĐ-UBND.NĐ ngày 18/01/2022, Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng, Quyết định số 991/QĐ-UBND.NĐ ngày 06/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng, Quyết định số 61/QĐ-UBND.NĐ ngày 10/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2023, người khởi kiện bà Trần Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Anh Võ Tấn Đ giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, hủy 04 quyết định hành chính bị khởi kiện, vì vào năm 1994 Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M toàn bộ là đất ở. Trước đây không có đường đi, Nhà nước đã lấy 06 mét bề ngang để làm đường đi mà không có bồi thường, nay lại tiếp tục lấy thêm 06 mét bề ngang để mở rộng đường thì phải bồi

thường 06 mét bề ngang và phải bồi thường bằng giá đất ở. Ủy ban chỉ bồi thường 03 mét bề ngang và bồi thường theo giá đất trồng cây lâu năm là không hợp lý.

Ông Nguyễn Tấn H không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà M do anh Đ trình bày, vì trước đây bà M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ thị 299/TTg là đất ở, đến năm 2016 bà M được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích có tăng thêm so với diện tích được cấp theo Chỉ thị 299/TTg, phần diện tích tăng thêm được xác định là đất trồng cây lâu năm. Bà M bị thu hồi đất thuộc phần diện tích đất tăng thêm này, là đất trồng cây lâu năm, nên không có cơ sở để bồi thường cho bà M theo giá đất ở; Phần diện tích 03 mét chiều ngang tính từ mí đường nhựa trở vào hướng đất bà M là đất thuộc chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường bộ, nên phần đất của bà M bị thu hồi chỉ là 03 mét chiều ngang tính phần giáp chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường bộ trở vào đất bà M diện tích là 67,4 m², nên việc bà M yêu cầu xác định diện tích của bà bị thu hồi bề ngang 06 mét là không có cơ sở.

Ông Huỳnh Văn T không đồng ý kháng cáo của bà M. Năm 1994 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M là đất Thổ, nhưng đến năm 2016 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M có tăng thêm 155,5 m² là đất trồng cây lâu năm, diện tích đất thu hồi của bà M nằm trong diện tích 155,5 m² đất trồng cây lâu năm này, nên việc bà M yêu cầu xác định đất ở là không có cơ sở. Trong 06 mét chiều ngang thì có 03 mét thuộc chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường bộ, nên việc bà M yêu cầu xác định diện tích thu hồi của bà 06 mét bề ngang là không có cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; Đơn kháng cáo hợp lệ về hình thức; Về nội dung đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Trần Thị M đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ, người bị kiện có yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng có mặt người bảo vệ quyền lợi của người bị kiện, theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính thì việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành.

[2] Ngày 26/4/2023, bà Trần Thị M khởi kiện Quyết định số 991/QĐ-UBND.NĐ ngày 06/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng và Quyết định số 61/QĐ-UBND-NĐ ngày 10/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn chưa quá một năm kể từ ngày ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện; Quyết định số 189/QĐ-UBND.NĐ ngày 18/01/2022 và Quyết định số 778/QĐ-UBND.NĐ ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng là các quyết định hành chính có liên quan đến quyết

định hành chính bị khởi kiện (Quyết định số 991 và Quyết định số 61), nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại các điều 30, 32, 116 Luật tố tụng hành chính; đồng thời xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện là đúng quy định tại khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục: Quyết định số 189, Quyết định số 778 được ban hành đúng theo quy định tại Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 61 và Quyết định số 991 được ban hành đúng theo quy định tại Điều 18, Điều 21, mục 2 và mục 3 Chương 3 Luật Khiếu nại năm 2011.

[4] Về nội dung:

[4.1] Dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.842, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp là dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp chấp thuận tại Nghị quyết số 49/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 50/2021/NQ-HĐND cùng ngày 17/8/2021, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai thì Dự án này thuộc trường hợp Nhà nước phải thu hồi đất và việc bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013.

[4.2] Từ tim lộ Tỉnh lộ 842 trở ra 03 mét là phần mặt đường trải nhựa, phần 03 mét tiếp theo là phần thân và taluy đường, nằm trong chỉ giới giao thông, còn phần đất thu hồi của bà M là 03 mét tiếp giáp với phần chỉ giới giao thông. Do đó, việc bà Trần Thị M yêu cầu bồi thường phần diện tích chiều ngang 06 mét, tính luôn cả phần chỉ giới giao thông 03 mét chiều ngang, là không có cơ sở. Vì vậy, Quyết định số 189 thu hồi diện tích 67,4 m² là đúng quy định của pháp luật.

[4.3] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 843932 cấp ngày 16/12/2016 thể hiện bà Trần Thị M được cấp Thửa đất số 69, Tờ bản đồ số 51, diện tích 902,6 m²; Trong đó có 747,1 m² đất ở và 155,5 m² đất trồng cây lâu năm, nhưng sơ đồ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại không thể hiện vị trí cụ thể của từng loại đất. Tại Biên bản về việc đo đạc, kiểm đếm xác định diện tích đất thiệt hại ngày 05/11/2021, có bà Trần Thị M ký tên xác nhận trong biên bản (bút lục 185), thể hiện diện tích thiệt hại là 67,4 m² nằm trong diện tích 155,5 m² đất trồng cây lâu năm, thực tế trên đất là sân, hàng rào, nên việc bà Trần Thị M yêu cầu bồi thường theo giá đất ở là không có cơ sở.

[4.4] Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.842 và có Văn bản số 39/UBND-KT ngày 13/01/2022 giao cho Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng ban hành quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND.NĐ ngày 18/01/2022 phê duyệt Phương án bồi thường,

hỗ trợ và tái định cư dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.842, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Quyết định số 778 đã áp giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho bà Trần Thị M trên cơ sở giá đất cụ thể và Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, là đúng quy định của pháp luật.

[4.5] Như đã phân tích trên, việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho bà Trần Thị M đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Do đó, Quyết định số 991 và Quyết định số 61 đều có nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà Trần Thị M là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ các phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Bà Trần Thị M là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị M; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2023/HC-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà Trần Thị M về việc yêu cầu hủy các quyết định sau đây:

- Quyết định số 189/QĐ-UBND.NĐ ngày 18/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng;

- Quyết định số 778/QĐ-UBND.NĐ ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.842, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng cho bà Trần Thị M;

- Quyết định số 991/QĐ-UBND.NĐ ngày 06/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị M, ngụ xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp;

- Quyết định số 61/QĐ-UBND-NĐ ngày 10/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị M (lần2);

3. Bà Trần Thị M được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công